



tǔ dòu
土豆

Noun · potato

Example Sentences

zhè shì tǔ dòu
这是土豆。

This is a potato.

mā mā mǎi le tǔ dòu zuò wǎn fàn
妈妈买了土豆做晚饭。

Mom bought potatoes for dinner.

tǔ dòu kě yǐ zuò chéng shǔ tiáo tǔ dòu ní děng duō zhǒng měi shí
土豆可以做成薯条、土豆泥等多种美食。

Potatoes can be made into various dishes like French fries and mashed potatoes.

Trace each character, then write the word on your own.

土	土	土	土	土	土														
豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆										